

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Năm: 2024

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục: Trường mầm non Số 2 Na Sang
2. Địa chỉ trụ sở chính và các địa chỉ hoạt động của cơ sở giáo dục, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của cơ sở giáo dục (cổng thông tin điện tử):
 - Bản Số 2 Na Sang 2, Xã Số 2 Na Sang, Huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên.
 - Số điện thoại: 0382.050.644
 - Trang thông tin điện tử: <https://mnso2nasang.muongcha.edu.vn/news/>
3. Loại hình của cơ sở giáo dục: Trường công lập
4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục

4.1. Tầm nhìn

Trường mầm non Số 2 Na Sang là trường chuẩn quốc gia mức độ 1, đạt kiểm định chất lượng mức độ 2, là một ngôi trường thân thiện, chất lượng và hiệu quả có đủ CSVC và trang thiết bị tối thiểu. Nơi phụ huynh, học sinh tin cậy, tạo dựng được môi trường chăm sóc, giáo dục an toàn, lành mạnh, kỷ cương, giúp trẻ phát triển toàn diện, trẻ biết sáng tạo, có năng lực tư duy. Một chiếc nôi rèn luyện để giáo viên cống hiến và học sinh luôn có những kỹ năng cơ bản phục vụ cuộc sống.

4.2. Sứ mệnh

- Xây dựng một đơn vị có tính kỉ luật lao động cao, biết thương yêu hỗ trợ nhau, biết được nhiệm vụ của mỗi cá nhân để tư duy, sáng tạo, làm việc có hiệu quả, trung thực, khách quan trong việc thực thi nhiệm vụ.

- Tạo được môi trường học tập thân thiện, có phòng học thoáng mát, rộng rãi, có nhiều đồ dùng, đồ chơi để mỗi học sinh đều có cơ hội trải nghiệm, rèn luyện kỹ năng, phát triển tư duy, phát triển tính tích cực chủ động, sáng tạo, phát triển hết tài năng của mình.

4.3. Giá trị cốt lõi

- Tính đoàn kết, tinh thần trách nhiệm
- Lòng nhân ái, tính trung thực
- Sự hợp tác, mãi phấn đấu, hướng đến tương lai
- Tính sáng tạo, khát vọng vươn lên
- Lòng tự trọng, vững lòng tin, tình thương và trách nhiệm.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục:

Trường Mầm non Số 2 Na Sang được thành lập ngày 01/3/2015 theo Quyết định số: 2854/QĐ-UBND của ủy ban nhân dân huyện Mường Chà ngày 31 tháng 12 năm 2014 với tên gọi là trường mầm non Na Sang, sau đó được đổi tên thành trường mầm non Số 2 Na Sang trường đóng tại Bản Na Sang, xã Na Sang, huyện Mường Chà, Tỉnh Điện Biên.

6. Thông tin người đại diện pháp luật

- Bà: Hoàng Thị Thúy Hằng - Chức vụ: Bí thư chi bộ - Hiệu trưởng
- Số căn cước: 01175000567

7. Tổ chức bộ máy:

A. Trường Mầm non Số 2 Na Sang được thành lập ngày 01/3/2015 theo Quyết định số: 2854/QĐ-UBND của ủy ban nhân dân huyện Mường Chà ngày 31 tháng 12 năm 2014

B. Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường (có file kèm theo).

C. Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng cơ sở giáo dục

- Số 5742/QĐ-UBND ngày 29/7/2024 Quyết định về việc điều động bổ nhiệm viên chức quản lý : Hoàng Thị Thúy Hằng từ ngày 29/7/2024.

- Số 1411/QĐ-UBND ngày 19/3/2020 Quyết định về việc bổ nhiệm lại viên chức quản lý : Vũ Thị Bầy từ ngày 19/3/2020.

- Số 1412/QĐ-UBND ngày 19/03/2020 Quyết định về việc bổ nhiệm lại viên chức quản lý: Hoàng Thị Bích Lập từ ngày 19/03/2020.

D. Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục của các đơn vị trực thuộc, thành viên; sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục.

Đ. Quyết định thành lập, sáp nhập, chia tách, giải thể các đơn vị trực thuộc, thành viên (nếu có): không

E. Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo cơ sở giáo dục và lãnh đạo các đơn vị trực thuộc, trực thuộc, thành viên của cơ sở giáo dục (nếu có)

1. Bà: Hoàng Thị Thúy Hằng - Hiệu trưởng

Số điện thoại: 0983616136

Gmail: hanghtt.mnnasang.muongcha@dienbien.edu.vn

Đơn vị công tác: Trường MN Số 2 Na Sang

2. Bà: Vũ Thị Bầy - Phó hiệu trưởng

Số điện thoại: 0987494857

Gmail: bayvt.mnsatong.muongcha@dienbien.edu.vn

Đơn vị công tác: Trường MN Số 2 Na Sang

3. Bà: Hoàng Thị Bích Lập - Phó hiệu trưởng

Số điện thoại: 0916951565

Gmail: laphtb.mnso2nasang.muongcha@dienbien.edu.vn

Đơn vị công tác: Trường MN Số 2 Na Sang

8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục: Chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục, quy chế dân chủ của cơ sở giáo dục; các nghị quyết của hội đồng trường, quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính, chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhà giáo và CBQL; Kế hoạch và thông báo tuyển dụng của cơ sở giáo dục và các quy định, quy chế nội bộ khác (nếu có)

II. ĐỘI NGŮ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

a) Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo vị trí việc làm và trình độ được đào tạo;

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo				Hạng chức danh nghề nghiệp		
			ĐH	CD	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	29	23	6	0	0	1	23	5
1	Nhà trẻ	9	7	2	0	0	0	8	1
2	Mẫu giáo	15	20	4	0	0	0	13	0
3	Văn phòng	4	2	0	0	2	1	1	0

b) Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp;

stt	Nội dung	Chuẩn nghề nghiệp				Tỷ lệ %			
		Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt	Tốt	Khá	Đạt	CD
1	CBQL	1	2	0	0	33,3	66,7	0	0
2	Giáo viên	17	7	0	0	70,8	30,2	0	0

c) Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định.

Hằng năm nhà trường tham gia học tập đầy đủ các lớp bồi dưỡng thường xuyên và có quyết định công nhận hoàn thành BDTX, cụ thể: CBQL: 3/3 đạt 100%, giáo viên: 24/24 đạt; 100%.

4. Cơ sở giáo dục thực hiện chương trình giáo dục của nước ngoài hoặc chương trình giáo dục tích hợp thực hiện công khai thêm các nội dung sau đây:

a) Tên chương trình, quốc gia cung cấp chương trình, thông tin chi tiết về đối tác thực hiện liên kết giáo dục để dạy chương trình giáo dục tích hợp;

b) Tên cơ quan, tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục hoặc cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài công nhận về chất lượng giáo dục;

c) Ngôn ngữ thực hiện các hoạt động giáo dục.

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

a) Diện tích khu đất xây dựng trường, điểm trường, diện tích bình quân tối thiểu cho một trẻ em; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

Điểm trường trung tâm có diện tích: 2.461 m²

Diện tích các điểm trường: 3041,6 m²

Diện tích bình quân tối thiểu cho 1 trẻ: 1,5m² đảm bảo theo quy định.

b) Số lượng, hạng mục thuộc các khối phòng hành chính quản trị; khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em; khối phòng tổ chức ăn (áp dụng cho các cơ sở giáo dục có tổ chức nấu ăn); khối phụ trợ; hạ tầng kỹ thuật; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

Tổng số lớp học: 16 lớp (kiên cố: 14, bán kiên cố: 2)

Các khối phòng hành chính quản trị được xây dựng kiên cố và bán kiên cố, cụ thể: phòng BGH: 2, phòng y tế: 1, hội đồng trường: 1, phòng bảo vệ: 1, nhà ăn: 1, phòng nghệ thuật 1 kiên cố.

c) Số lượng các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi hiện có; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

Hàng năm nhà trường tiến hành rà soát các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi và tiến hành đăng ký nhu cầu thiết bị, đồ dùng, đồ chơi còn thiếu.

d) Số lượng đồ chơi ngoài trời, một số thiết bị và điều kiện phục vụ chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục khác.

Mỗi 1 điểm trường và các điểm bản đều có 5 loại đồ dùng đồ chơi ngoài trời và một số đồ chơi ngoài trời tự tạo của giáo viên hàng năm được bổ sung

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

a) Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá;

Hàng năm nhà trường xây dựng kế hoạch tự đánh giá và thu thập minh chứng, nhà trường có kế hoạch cải tiến chất lượng theo từng minh chứng cụ thể.

b) Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia của cơ sở giáo dục qua các mốc thời gian; kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm tiếp theo và hàng năm.

Năm học 2020-2021 trường được công nhận trường đạt chuẩn quốc gia mức độ I, theo quyết định số 1953/QĐ-UBND tỉnh ngày 27/10/2021/V/v công nhận và cấp bằng công nhận cho các trường mầm non, phổ thông đạt chuẩn quốc gia.

Năm học 2021-2022 trường được công nhận trường đạt chuẩn quốc gia mức độ

I, theo quyết định số 2663/QĐ-SGDT tỉnh ngày 25/10/2021 và V/v công nhận và cấp giấy chứng nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục cho các trường mầm non, GD mầm non Năm học 2021-2022

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

a) Tổng số trẻ em: 266; tổng số nhóm, lớp: 15 lớp; số trẻ em tính bình quân/nhóm, lớp (hoặc nhóm, lớp ghép): 18/nhóm/lớp.

b) Số trẻ em học nhóm, lớp ghép (nếu có)

Mẫu giáo ghép 3+4+5 tuổi: 173 trẻ (dân số độ tuổi: 170 trẻ, trẻ học nhỡ: 3 trẻ)

Trẻ nhà trẻ: 93 trẻ

C) Số trẻ em học 02 buổi/ngày: 266 trẻ

D) Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú: 266 trẻ

đ) Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng và kiểm tra sức khỏe định kỳ: 266 trẻ.

e) Kết quả thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 05 tuổi:
Nhà trường duy trì và đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 05 tuổi là

g) Số trẻ em khuyết tật: 4 cháu

Nhà trẻ có số trẻ em khuyết tật đang tham gia học tập tại các lớp học với tổng số: 04 trẻ

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

Tình hình tài chính của trường mầm non Số 2 Na Sang trong năm tài chính trước liền kề thời điểm báo cáo theo quy định pháp luật, trong đó có cơ cấu các khoản thu, chi hoạt động như sau:

a) Các khoản thu phân theo: Nguồn kinh phí (ngân sách nhà nước, hỗ trợ của nhà đầu tư; học phí, lệ phí và các khoản thu khác từ người học; kinh phí tài trợ và hợp đồng với bên ngoài; nguồn thu khác) và loại hoạt động (giáo dục và đào tạo; khoa học và công nghệ; hoạt động khác);

b) Các khoản chi phân theo: Chi tiền lương và thu nhập (lương, phụ cấp, lương tăng thêm và các khoản chi khác có tính chất như lương cho giáo viên, giảng viên, cán bộ quản lý, nhân viên,...); chi cơ sở vật chất và dịch vụ (chi mua sắm, duy tu sửa chữa, bảo dưỡng và vận hành cơ sở vật chất, trang thiết bị, thuê mướn các dịch vụ phục vụ trực tiếp cho hoạt động giáo dục, đào tạo, nghiên cứu, phát triển đội ngũ,...); chi hỗ trợ người học (học bổng, trợ cấp, hỗ trợ sinh hoạt, hoạt động phong trào, thi đua, khen thưởng,...); chi khác.

2. Các khoản thu và mức thu đối với người học, bao gồm: học phí, lệ phí, tất cả các khoản thu và mức thu ngoài học phí, lệ phí (nếu có) trong năm học và dự kiến cho từng năm học tiếp theo của cấp học hoặc khóa học của cơ sở giáo dục trước khi

tuyển sinh, dự tuyển.

3. Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng đối với người học.

4. Số dư các quỹ theo quy định, kể cả quỹ đặc thù (nếu có).

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

- Huy động số học sinh ra lớp đạt chỉ tiêu cấp trên giao.

- Trường đạt Tập thể lao động tiên tiến, được UBND huyện công nhận, theo Quyết định số 2478/QĐ-UBND ngày 31/7/2024 của UBND huyện Mường Chà về việc tặng thưởng "Lao động tiên tiến" đối với các đơn vị trường học thuộc UBND huyện Mường Chà có nhiều thành tích trong thực hiện nhiệm vụ công tác năm học 2023-2024;

Có 24/24 cá nhân đạt LĐTT được UBND huyện công nhận, theo Quyết định số 2479/QĐ-UBND ngày 31/7/2024 của UBND huyện Mường Chà về việc công nhận LĐTT đối với viên chức, nhân viên ngành GD&ĐT huyện Mường Chà có nhiều thành tích trong thực hiện nhiệm vụ công tác năm học 2023-2024;

Có 04 cá nhân đạt CSTĐ được UBND huyện công nhận, theo Quyết định số 2461/QĐ-UBND ngày 31/7/2024 của UBND huyện Mường Chà về việc tặng danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cơ sở" cho các cá nhân có thành tích tiêu biểu xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ công tác năm học 2023-2024.

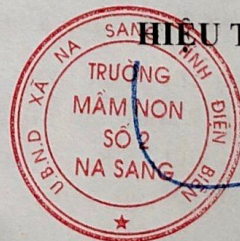
Có 07 cá nhân được UBND huyện tặng giấy khen, theo Quyết định số 2491/QĐ-UBND ngày 31/7/2024 QĐ về việc khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích trong thực hiện nhiệm vụ công tác năm học 2023-2024.

Chi bộ: Hoàn thành tốt nhiệm vụ, theo Quyết định số 86-QĐ/ĐU ngày 26/12/2023 của Đảng ủy xã Na Sang về việc công nhận Chi bộ HTXSNNV, HTTNV, HTNV năm 2023;

Đoàn TNCS Hồ Chí Minh: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, theo Quyết định số 10-QĐ ngày 22/12/2023 của BCH Đoàn xã Na Sang về việc công nhận kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng hoạt động Chi đoàn năm 2023./.

Nơi nhận:

- Trang Website của trường MN Số 2 Na Sang
- Lưu nhà trường



HIỆU TRƯỞNG

Hoàng Thị Thúy Hằng